

Bài 10

CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

(tiếp theo)

Tiết 2 KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

Biết và giải thích kết quả phát triển kinh tế, sự phân bố một số ngành kinh tế của Trung Quốc trong thời gian tiến hành hiện đại hoá đất nước.

2. Kỹ năng

Nhận xét, phân tích bảng số liệu, lược đồ (bản đồ) để có được những hiểu biết nêu trên.

3. Thái độ

Tôn trọng và có ý thức tham gia xây dựng mối quan hệ bình đẳng, hai bên cùng có lợi giữa Việt Nam và Trung Quốc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Trung Quốc.
- Bản đồ Kinh tế chung Trung Quốc.
- Một số ảnh về hoạt động kinh tế của Trung Quốc (nếu có).

III. TRỌNG TÂM BÀI

- Một số biện pháp và kết quả của hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp của Trung Quốc, nâng vị thế của Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới.
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành công nghiệp, nông nghiệp Trung Quốc.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỤC I. KHÁI QUÁT

*** Hoạt động 1 :** Tìm hiểu phân khái quát

GV nên yêu cầu HS nhắc lại một số điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế Trung Quốc như vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động.

GV trình bày : Mặc dù với cùng một điều kiện về tự nhiên và dân cư, trong giai đoạn 1949 – 1978 Trung Quốc đã không thành công trong phát triển kinh tế. Không những thế, các cuộc đại nhảy vọt, cách mạng văn hoá còn gây thiệt hại cho nền kinh tế. Từ năm 1978, Trung Quốc thay đổi đường lối phát triển, giữ ổn định xã hội, khai thác nguồn lực trong nước, nguồn lực từ bên ngoài, tiến hành hiện đại hoá đất nước ; nhờ đó, Trung Quốc đã có những thành công được thế giới ghi nhận.

GV yêu cầu HS đọc đoạn văn của mục I, rút ra nét nổi bật của thành công trong phát triển đất nước :

- Mức tăng trưởng GDP cao, tổng GDP lớn (thứ 7 trên thế giới).
- Điều kiện sống của người dân được cải thiện.

GV cũng có thể so sánh với tổng thu nhập trong nước của Việt Nam năm 2004 là 45,4 tỉ USD để thấy được độ lớn GDP của Trung Quốc và nêu ý nghĩa của những kết quả phát triển kinh tế.

MỤC II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Công nghiệp

* Hoạt động 2 : Tìm hiểu về công nghiệp

GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cho từng HS đọc đoạn văn trong SGK để trả lời 2 câu hỏi gợi ý của GV :

- Trung Quốc đã khai thác những điều kiện thuận lợi nào để phát triển công nghiệp ?

- Hiện đại hoá công nghiệp của Trung Quốc đã đưa lại những kết quả gì ?

GV yêu cầu 2 hoặc 3 HS ghi lên bảng hoặc đọc trước lớp kết quả làm việc của mình, các HS khác so sánh và tự đánh giá. GV cần kiểm tra xem HS tự đánh giá như thế nào : có nghiêm túc không, mức độ đạt được đến đâu.

HS cần nêu được :

- Về khai thác các điều kiện để phát triển công nghiệp :

- + Cơ chế thị trường được thiết lập, các nhà máy được chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ (công nhân phải có trách nhiệm hơn với công việc).
- + Thực hiện chính sách mở cửa, xây dựng các khu chế xuất nên thu được nguồn vốn đầu tư rất lớn.
- + Trang thiết bị được hiện đại hoá, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

- Về kết quả :

- + Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp có thể tăng nhanh năng suất và đón đầu, đáp ứng nhu cầu người dân.
- + Phát triển những ngành công nghiệp đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao.
- + Lượng hàng hoá sản xuất lớn, nhiều mặt hàng đứng đầu thế giới về sản lượng.
- + Phát triển công nghiệp địa phương, sản xuất hàng tiêu dùng.

Tiếp theo, GV cho HS tìm hiểu về phân bố công nghiệp :

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm nhỏ với lược đồ Các trung tâm công nghiệp chính của Trung Quốc, có thể lập bảng về các ngành sản xuất và sự phân bố của chúng như sau :

STT	Ngành sản xuất	Phân bố	Lí do
1	Luyện kim đen	Khu vực Đông Bắc	Gần nơi có quặng sắt
2		

Để tìm hiểu về sự phân bố các ngành, GV gợi ý HS liên hệ nguồn tài nguyên khoáng sản của Trung Quốc và kiến thức đã học về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển, phân bố của công nghiệp.

HS báo cáo kết quả làm việc, GV nhận xét và giải thích thêm một số ý nếu thấy cần thiết, ví dụ về vai trò của các khu chế xuất trong việc phát triển các khu vực công nghiệp ở miền Đông v.v...

2. Nông nghiệp

* Hoạt động 3 : Tìm hiểu về nông nghiệp

GV yêu cầu HS thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ dưới đây bằng cách đọc SGK và thảo luận theo nhóm nhỏ (4-6 HS) các ý nêu trong sách cũng như liên hệ kiến thức đã học ở hai bài trước đó. HS có thể liên hệ cả những kiến thức đã tự tích lũy được. Cụ thể như sau :

- Trung Quốc đã khai thác những điều kiện thuận lợi nào để phát triển nông nghiệp ?

- Sản xuất nông nghiệp đã đạt kết quả gì ?

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc, góp ý, so sánh kết quả của các nhóm và nhận xét đánh giá.

- Về khai thác các điều kiện phát triển nông nghiệp, HS cần nêu :

- + Diện tích đất nông nghiệp lớn, lao động dồi dào.

- + Giao quyền sử dụng đất cho nông dân. Người nông dân có mảnh đất của riêng mình và được lựa chọn cây trồng, vật nuôi theo tính toán có lợi cho gia đình, vì vậy họ có trách nhiệm với đất đai và nông phẩm hơn.
- + Cải thiện cơ sở hạ tầng : cải tạo, xây mới đường giao thông và hệ thống thủy lợi ; cải thiện giống, đưa kĩ thuật mới vào sản xuất.
- + Nhà nước miễn thuế nông nghiệp, người nông dân được bán nông phẩm thừa, để dành được tiền mua sắm nông cụ, phân bón và đồ dùng sinh hoạt, mức sống được nâng lên.

– Kết quả của phát triển, hiện đại hoá nông nghiệp :

- + Nông nghiệp có năng suất cao.
- + Sản lượng một số nông sản có giá trị lớn, chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới.

Tiếp theo, GV cho HS dựa vào lược đồ Phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc, tiếp tục làm việc trong nhóm để tìm hiểu về sự phân bố nông nghiệp Trung Quốc theo các bước :

– Dựa vào kí hiệu phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc, nhận xét sự phân bố của các vùng trồng trọt, chăn nuôi (đồng cỏ) và trồng rừng trên lược đồ (bản đồ), HS chỉ cần nêu tên các khu vực lớn, nên gắn với lược đồ địa hình để nhận biết địa danh các vùng. Ví dụ bồn địa Ta-rim là vùng khô hạn không thuận lợi cho trồng trọt nhưng chăn nuôi được ; vùng phía nam lưu vực sông Trường Giang trồng lúa gạo v.v...

– GV nên gợi ý để HS liên hệ kiến thức địa lí tự nhiên về Trung Quốc, kiến thức về các yếu tố địa lí ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các loại cây trồng và vật nuôi, để giải thích sự phân bố của các vùng nông nghiệp ở Trung Quốc.

– HS dựa vào lược đồ (bản đồ) để nhận xét sự phân bố cây lương thực (lúa mì, lúa gạo), cây công nghiệp (đỗ tương, bông, chè, mía...) và một số gia súc (ngựa, cừu, bò, lợn) cùng các khu vực đánh bắt cá,...

– HS so sánh và giải thích về sự khác biệt trong nông nghiệp : miền Đông (do có đồng bằng ở hạ lưu các sông lớn, núi thấp, lượng mưa lớn, có vùng biển rộng, ấm) phát triển trồng trọt, chăn nuôi bò, lợn, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, miền Tây (do có các đồng cỏ trên núi, cao nguyên cao...) chủ yếu phát triển chăn nuôi gia súc lớn (cừu, ngựa).

– GV cho HS thông báo kết quả làm việc và các HS khác nhận xét. GV có thể cung cấp một số thông tin về khó khăn trong nông nghiệp của Trung Quốc theo nội dung phần thông tin bổ sung.

MỤC III. MỐI QUAN HỆ TRUNG QUỐC – VIỆT NAM

* Hoạt động 4 : Tìm hiểu mối quan hệ Trung Quốc – Việt Nam

GV có thể cho HS cả lớp đọc đoạn văn trong SGK và liên hệ thêm thực tế các hình thức hợp tác, trao đổi giữa Việt Nam với Trung Quốc, tập trung vào các mối quan hệ kinh tế, văn hoá và cả thể thao... Sau đó, GV yêu cầu một vài HS trình bày ý kiến cá nhân, có thể đề nghị HS nói thêm về giải pháp tăng cường hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam.

V. THÔNG TIN

– Trước năm 1978, nền nông nghiệp của Trung Quốc vẫn còn tự phát. Hợp tác xã, công xã nhân dân đã được thành lập từ sớm, song với cách quản lí tập trung, cứng nhắc trong sản xuất, không đảm bảo nguyên tắc tự nguyện của người nông dân nên hiệu quả sản xuất của công xã còn yếu kém. Người nông dân không được làm chủ thực sự trên mảnh đất của mình, lợi ích của họ chưa được chú trọng nên họ thiếu hăng hái sản xuất.

Sau thời kì trên, Trung Quốc áp dụng biện pháp khoán, từ khoán việc đến khoán sản lượng, từ khoán nhóm sản xuất đến khoán hộ gia đình, từ thời gian 3 năm đến 15, 20, 30 thậm chí đến 50 năm, từ không cho phép thuê nhân công đến cho phép thuê công nhân,... đã giúp cho việc phát huy thế mạnh của nông nghiệp gia đình truyền thống với nguồn lao động dồi dào. Người nông dân được gắn với đồng ruộng, có thù lao xứng đáng đã hăng say lao động hơn, tận dụng mọi lực lượng lao động, công cụ sản xuất để làm ra của cải cho đất nước. Bên cạnh đó, Trung Quốc tiếp tục hoàn thiện phương thức sản xuất tập thể theo nguyên tắc tự nguyện. Người nông dân thấy được cái lợi của việc tổ chức hợp tác xã khu (theo cụm dân cư), hợp tác cung tiêu (tập hợp vốn và thực hiện cung ứng, tiêu thụ ở nông thôn), hợp tác tín dụng (tổ chức trong lĩnh vực tiền tệ) nên đã tích cực tham gia. Trên cơ sở của hợp tác xã cung tiêu đã thành lập các hợp tác xã chuyên nghiệp như chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi, nghề cá, vận tải, chế biến... để hỗ trợ nhau trong các lĩnh vực sản xuất tạo hàng hoá cho thị trường tiêu thụ.

– Mức tăng trưởng GDP/năm trong quá trình cải cách kinh tế khá cao (8%) so với thế giới (trung bình khoảng 3-4%/năm).

– Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Trung Quốc diễn ra mạnh mẽ song cho tới nay nông thôn Trung Quốc vẫn chiếm tới 63% dân số và nông nghiệp vẫn tạo công ăn việc làm cho khoảng 47% lao động (năm 2004). Ngay trong nông nghiệp cũng đang diễn ra quá trình chuyển đổi từ trồng trọt sang chăn nuôi. Năm 1978, tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp là 80% và 15%, đến năm 2004 tỉ lệ trên là 50% và 36%

(còn lại do nghề rừng, nghề cá cung cấp). Một số khó khăn của nông nghiệp Trung Quốc là bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp, ở nhiều vùng nông thôn công nghệ lạc hậu, đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp hạn chế, giá nông sản cao hơn giá thế giới nên khó cạnh tranh, hàng không bán được nên thu nhập của người nông dân giảm gây nên sự chênh lệch trong mức sống của người nông dân so với của người dân thành thị. Hiện nay, Trung Quốc tập trung chú ý hơn đến nông thôn, nông dân và ngành nông nghiệp.

Từ năm 2002, Trung Quốc chính thức trở thành thành viên của WTO, ngay sau năm đầu tiên Trung Quốc đã thu được một số kết quả đáng khích lệ như nền kinh tế tiếp tục được cải thiện (tăng trưởng GDP vẫn giữ ở mức cao : năm 2004 là 9,5%, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 1200 USD, cơ cấu kinh tế tiếp tục được điều chỉnh và cải thiện), ngoại thương tiếp tục tăng trưởng (xuất khẩu đạt 593,4 tỉ USD, nhập khẩu 560,7 tỉ USD), thu hút lượng vốn đầu tư lớn (60,6 tỉ USD, đứng hàng đầu thế giới). Ngành sản xuất ô tô, ngành trụ cột của nền công nghiệp Trung Quốc sản xuất và tiêu thụ tốt, sản lượng ô tô của Trung Quốc từ vị trí thứ 8 đã vươn lên đứng thứ 3 thế giới với số lượng 7,28 triệu chiếc (năm 2006). Tuy vậy, Trung Quốc cũng đang đứng trước những thử thách rất lớn như chất lượng lao động và trình độ kỹ thuật còn chưa thật cao làm cho việc nâng cao vị trí của Trung Quốc trong phân công lao động quốc tế còn gặp khó khăn. Trong ngành tài chính, ngân hàng, đang diễn ra cạnh tranh quyết liệt giữa ngân hàng nội địa của Trung Quốc và các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài do những ngân hàng nước ngoài có ưu thế hơn trong dịch vụ, sản phẩm và khả năng thâm nhập thị trường...